

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	03 – 05
Báo cáo Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06– 07
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11– 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Bà Vũ Thị Kim Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Năng Tuyến	Thành viên
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Hoàng Thị Bích Phượng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên
Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Bà Đặng Thị Hà Nguyễn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại : Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thành lập 03 Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu làm chủ sở hữu, chi tiết như sau :

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201865444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/04/2018. Vốn điều lệ 18 tỷ VND. Hoạt động từ T7/2018.
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314972461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/04/2018 và thay đổi lần thứ 3 tại 08/05/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ T7/2018.
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108209134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/04/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ T7/2018.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện Soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

TM. Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Bình Phú

Số: 99/2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2018, được trình bày từ trang 08 đến trang 45 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.7 – Chi phí trả trước, Công ty đang làm việc với các bộ phận có liên quan thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh để xác định phương án mà UBND tỉnh Quảng Ninh sẽ đền bù cho Công ty về các khoản chi phí đã thực hiện dự án. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ quyết toán và phân chia chi phí thực hiện dự án này với các đối tác.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán với ý kiến kiểm toán toàn phần và vấn đề cần nhấn mạnh.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118.887.580.110	97.687.438.147
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.337.219.433	10.178.300.710
1. Tiền	111		23.137.219.433	10.178.300.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.480.141.464	77.416.159.998
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	8.996.920.881	9.641.076.639
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.654.949.565	5.082.719.891
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	34.500.000.000	40.000.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	28.694.265.990	24.058.358.440
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1.365.994.972)	(1.365.994.972)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	5.850.119.211	3.137.308.413
1. Hàng tồn kho	141		5.850.119.211	3.137.308.413
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.220.100.002	6.955.669.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.058.409.259	4.420.892.075
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.886.805.204	2.293.834.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	274.885.539	240.942.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		335.895.933.676	355.324.096.167
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		598.351.000	825.001.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	598.351.000	825.001.000
II. Tài sản cố định	220		234.210.040.064	257.691.135.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	226.754.408.805	250.220.104.418
- Nguyên giá	222		646.682.119.280	646.763.665.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(419.927.710.475)	(396.543.561.362)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	7.455.631.259	7.471.031.255
- Nguyên giá	228		7.561.097.914	7.561.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(105.466.655)	(90.066.659)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		383.840.546	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	383.840.546	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	84.807.971.930	85.559.407.995
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.600.000.000	27.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.852.569.200	3.852.569.200
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.450.000.000	54.450.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.094.597.270)	(343.161.205)
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.895.730.136	11.248.551.499
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	14.327.783.083	8.981.681.307
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.567.947.053	2.266.870.192
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		454.783.513.786	453.011.534.314

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		214.066.232.850	195.585.768.233
I. Nợ ngắn hạn	310		144.224.043.122	109.299.253.551
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	12.377.659.529	11.481.285.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	43.718.579	104.918.180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	6.650.299.269	6.137.634.923
4. Phải trả người lao động	314		2.421.660.809	5.690.190.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	4.338.619.065	4.334.247.497
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.563.627.337	1.084.664.951
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	36.952.237.281	18.982.604.933
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	77.355.398.362	61.461.774.995
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.520.822.891	21.931.891
II. Nợ dài hạn	330		69.842.189.728	86.286.514.682
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	6.495.747.968	5.990.318.069
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	63.346.441.760	80.296.196.613
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.19	240.717.280.936	257.425.766.081
I. Vốn chủ sở hữu	410		240.717.280.936	257.425.766.081
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		54.293.019.763	71.001.504.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.100.913.908	28.445.870.628
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.192.105.855	42.555.634.280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		454.783.513.786	453.011.534.314

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lương Thị Hà

Đào Nguyên Đăng

Trần Bình Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.891.028.994	25.521.466.228
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		23.481.095.609	23.733.273.683
- Các khoản dự phòng	03		751.436.065	31.560.470
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.506.116.517	(159.027.049)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.457.758.570)	(57.899.800.230)
- Chi phí lãi vay	06		2.761.267.242	3.744.629.854
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.933.185.857	(5.027.897.044)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.570.711.012)	346.881.330
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.712.810.798)	2.724.740.728
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.604.883.342)	1.205.770.625
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.983.618.960)	888.941.068
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.410.102.539)	(3.787.122.560)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(401.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.249.359.206	(3.648.685.853)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.046.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.500.000.000	45.489.228.100
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(49.950.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.982.781.900
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.064.224.324	12.381.208.586
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.464.224.324	8.857.218.586

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 03a- DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.633.209.135)	(28.808.029.383)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.633.209.135)	(28.808.029.383)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.080.374.395	(23.599.496.650)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.178.300.710	37.410.640.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		78.544.328	44.151.598
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		27.337.219.433	13.855.295.885

Người lập



Lương Thị Hà

Kế toán trưởng



Đào Nguyên Đặng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Bình Phú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*), tương đương 15.000.000 cổ phần (*10.000 đồng/cổ phần*).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Cung cấp các dịch vụ, nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, địa lý gian nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con và 04 công ty liên kết. Cụ thể:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Con đã đang hoạt động trong kỳ		
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	94,2%	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
Công ty Con đã thành lập và hoạt động từ T7/2018		
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	100%	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	100%	74 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH Hankyu – Hanshin Express Việt Nam	49%	Phòng 1, tầng 7 tòa nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	25%	Số 29 – 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	30%	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	20%	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, tp Hồ Chí Minh

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05–50 năm
- Máy móc thiết bị	05–07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07–15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03– 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04– 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

4.8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

4.9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iii) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a- DN

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0% đối với các dịch vụ vận tải quốc tế và 10% với các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a– DN

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.7

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động vận tải biển, hoạt động giao nhận vận tải, hoạt động kinh doanh kho bãi và các hoạt động kinh doanh khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở thị trường trong nước và nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	114.134.613	193.121.676
Tiền gửi ngân hàng	23.023.084.820	9.985.179.034
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	-
Cộng	27.337.219.433	10.178.300.710

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**a) Ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Công ty TNHH Nohhi Logistics	8.996.920.881	9.641.076.639
- Công ty TNHH MTV Jacobi Carbons Việt Nam	1.307.677.524	1.557.301.478
- Công ty TNHH MTV Tiếp vận Toàn cầu Hàn Việt	195.162.045	785.163.785
- Các khoản phải thu khách hàng khác	949.577.475	1.228.212.370
	6.544.503.837	6.070.399.006

b) Dài hạn

Cộng	-	-
	8.996.920.881	9.641.076.639

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long (*)	5.654.949.565	5.082.719.891
- Ban đền bù dự án (*)	605.000.000	605.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phương Anh (*)	200.000.000	200.000.000
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (*)	525.000.000	525.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội	882.748.175	882.748.175
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.309.777.595	1.202.235.421
	1.132.423.795	1.667.736.295

b) Trả trước cho người bán dài hạn

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
--	---	---

(*) là khoản trả trước cho nhà thầu thi công Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa

5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	34.500.000.000		40.000.000.000	
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Kim Ngọc (*)	34.500.000.000	-	40.000.000.000	-
b) Dài hạn				

(*) Theo hợp đồng số 01/2017/HĐVV/VFR-KN và 02/2017/HĐVV/VFR-KN ngày 12/09/2017, tổng số tiền vay là 40 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 1 năm, lãi suất 8%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản cho vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.5 . PHẢI THU KHÁC

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	28.694.265.990	-	24.058.358.440	-
- Thuê các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	-	5.229.333.970	-
- Dự thu lãi tiền cho vay	2.126.867.580	-	733.333.334	-
- Trả hộ hãng tàu các loại phí	11.720.061.120	-	11.487.030.237	-
+ APL Co. Pte. Ltd	2.905.907.379	-	2.640.674.542	-
+ Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	1.394.629.205	-	1.493.913.780	-
+ Công ty TNHH MTV Tiếp vận Toàn cầu Hàn Việt	1.936.625.714	-	44.323.862	-
+ Công ty CP CMA-CGM Việt Nam	5.482.898.822	-	7.308.118.053	-
- Tạm ứng	1.358.447.064	-	1.283.862.839	-
- Phải thu khác	4.858.693.018	-	2.857.345.960	-
- Phải trả khác dự Nợ	3.400.863.238	-	2.467.452.100	-
b) Dài hạn	598.351.000	-	825.001.000	-
- Ký cược, ký quỹ	598.351.000	-	825.001.000	-
Tổng	29.292.616.990	-	24.883.359.440	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan

5.6 . HÀNG TỒN KHO

	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	5.850.119.211	-	3.137.308.413	-
Cộng	5.850.119.211	-	3.137.308.413	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	4.058.409.259	4.420.892.075
- Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*)	-	4.148.999.072
- Chi phí tiền ăn các tàu	208.828.667	268.568.000
- Tiền thuế đất	594.658.503	-
- Phí bảo hiểm	1.453.601.874	-
- Chi phí khác	1.801.320.215	3.325.003
b) Dài hạn	14.327.783.083	8.981.681.307
- Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*)	4.148.999.072	-
- Chi phí sửa chữa lớn tàu Thăng Long	3.276.212.977	6.523.968.688
- Chi phí sửa chữa lớn tàu Blue-Lotus	348.124.219	494.033.067
- Chi phí sửa chữa lớn tàu VF Glory	6.487.634.363	854.748.368
- Chi phí dài hạn khác	66.812.452	1.108.931.184
Cộng	18.386.192.342	13.402.573.382

(*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải Vietfracht thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc này.

5.8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí sửa chữa tài sản

Cộng

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí sửa chữa tài sản	383.840.546	-
Cộng	383.840.546	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.9 . NỢ XẤU

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Đơn vị: VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Công ty Orion Hanel	174.560.896	-	(174.560.896)	174.560.896	-	(174.560.896)
Công ty TNHH Vận tải Biển Liên Hợp	40.792.800	-	(40.792.800)	40.792.800	-	(40.792.800)
Công ty Hong Myung	10.198.200	-	(10.198.200)	10.198.200	-	(10.198.200)
Công ty TNHH Nanokovi	29.574.780	-	(29.574.780)	29.574.780	-	(29.574.780)
Công ty Cổ phần An Xuyên	52.170.740	-	(52.170.740)	52.170.740	-	(52.170.740)
Chi nhánh Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam	99.279.512	-	(99.279.512)	99.279.512	-	(99.279.512)
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Áng	414.021.020	-	(414.021.020)	414.021.020	-	(414.021.020)
Công ty Protonic Shipping	257.720.000	-	(257.720.000)	257.720.000	-	(257.720.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hải Bắc	214.450.000	-	(214.450.000)	214.450.000	-	(214.450.000)
Các công ty khác	73.227.024	-	(73.227.024)	73.227.024	-	(73.227.024)
Cộng	1.365.994.972	-	(1.365.994.972)	1.365.994.972	-	(1.365.994.972)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	85.902.569.200	(1.094.597.270)	85.902.569.200	(343.161.205)	(*)
- Đầu tư vào Công ty con	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên - tỷ lệ sở hữu 94,2% (1)	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.852.569.200	(1.094.597.270)	3.852.569.200	(343.161.205)	(*)
+ Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 49% (2)	1.534.595.200	-	1.534.595.200	-	(*)
+ Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht - tỷ lệ sở hữu 25% (3)	397.974.000	-	397.974.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 30% (4)	1.440.000.000	(1.094.597.270)	1.440.000.000	(343.161.205)	(*)
+ Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 20% (5)	480.000.000	-	480.000.000	-	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	54.450.000.000	-	54.450.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình - tỷ lệ sở hữu 2,41% (6)	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà nội - tỷ lệ sở hữu 3,7% (7)	49.950.000.000	-	49.950.000.000	-	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

- (1): Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên thành lập và hoạt động tại Hưng Yên với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên là 94,2%.
- (2): Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam là 49%.
- (3): Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht là 25%.
- (4): Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam là 30%.
- (5): Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam là 20%.
- (6): Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập và hoạt động tại Đồng Nai với hoạt động kinh doanh chính là Giao nhận và vận tải hàng hóa. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình là 2,41%.
- (7): Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn chuyên doanh. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội là 3,7%.

(*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	42.583.852.829	311.969.429	602.317.504.022	1.447.482.357	646.763.665.780
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(81.546.500)	-	(81.546.500)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(81.546.500)	-	(81.546.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	42.583.852.829	311.969.429	602.235.957.522	1.447.482.357	646.682.119.280
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	23.281.980.243	311.969.429	371.511.689.429	1.335.065.118	396.543.561.362
Tăng trong kỳ	896.692.050	-	22.519.908.248	49.095.315	23.465.695.613
- Số khấu hao trong kỳ	896.692.050	-	22.519.908.248	49.095.315	23.465.695.613
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(81.546.500)	-	(81.546.500)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(81.546.500)	-	(81.546.500)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	24.178.672.293	311.969.429	393.950.051.177	1.384.160.433	419.927.710.475
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	19.301.872.586	-	230.805.814.593	112.417.239	250.220.104.418
2. Tại ngày cuối kỳ	18.405.180.536	-	208.285.906.345	63.321.924	226.754.408.805

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.545.829.970 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhân hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm	7.355.097.914	-	-	206.000.000	-	7.561.097.914	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	7.355.097.914	-	-	206.000.000	-	7.561.097.914	
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	-	-	-	90.066.659	-	90.066.659	
Tăng trong kỳ	-	-	-	15.399.996	-	15.399.996	
- Số khấu hao trong kỳ	-	-	-	15.399.996	-	15.399.996	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	-	-	-	105.466.655	-	105.466.655	
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	7.355.097.914	-	-	115.933.341	-	7.471.031.255	
2. Tại ngày cuối kỳ	7.355.097.914	-	-	100.533.345	-	7.455.631.259	

• Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	12.377.659.529	12.377.659.529	11.481.285.495	11.481.285.495
- Bunkers Marine Pte. Ltd	2.550.113.333	2.550.113.333	-	-
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	370.370.000	370.370.000	2.607.402.345	2.607.402.345
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trọng Hiếu	2.577.663.000	2.577.663.000	1.590.457.000	1.590.457.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đăng Hân	1.444.399.000	1.444.399.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	5.435.114.196	5.435.114.196	7.283.426.150	7.283.426.150
b) Dài hạn				
c) Phải trả người bán các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	880.000	880.000		
5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	43.718.579	43.718.579	104.918.180	104.918.180
- Chi nhánh Công ty TNHH SCHENKER tại Hà Nội	42.268.649	42.268.649	42.268.649	42.268.649
- Công ty TNHH EMVINA	455.500	455.500	455.500	455.500
- Các đối tượng khác	994.430	994.430	62.194.031	62.194.031
b) Dài hạn				
c) Phải trả người bán các bên liên quan				
5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	6.137.634.923	5.219.030.733	4.706.366.386	6.650.299.269
- Thuế GTGT	384.069.271	3.894.910.811	3.990.383.409	288.596.672
- Thuế TNCN	456.838.390	62.815.611	59.445.762	460.208.239
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.195.669.354	591.276.198	604.393.156
- Các loại thuế khác	5.296.727.262	65.634.957	65.261.017	5.297.101.202

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

b) Phải thu	Đầu kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Cuối kỳ
	240.942.291	408.383.328	374.440.080	274.885.539
- Thuế xuất nhập khẩu	20.301.526	-	-	20.301.526
- Thuế TNDN	219.812.242	-	-	219.812.242
- Thuế nhà đất	-	405.383.328	371.440.080	33.943.248
- Các loại thuế khác	828.523	3.000.000	3.000.000	828.523

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	36.952.237.281	18.982.604.933
- Kinh phí công đoàn	170.690.841	236.809.520
- Bảo hiểm xã hội	144.510.170	32.789.690
- Bảo hiểm y tế	18.633.368	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.828.732	66.340
- Phải trả, phải nộp khác	32.638.289.616	14.283.641.361
+ <i>Phân chia cổ tức 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 26/04/2018</i>	18.000.000.000	-
+ Công ty CP Dịch vụ và Vận tải Biển Vũng Tàu	3.452.360.934	2.589.733.131
+ Công ty TNHH DVHH và Du lịch Thuyền Biển	1.365.836.495	401.729.375
+ Công ty TNHH Lai dắt tàu Biển SP - SPAM	1.443.464.500	800.570.800
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Sao Biển	721.555.310	1.172.927.700
+ Xí nghiệp Mol Vina Hồ Chí Minh	-	1.371.639.899
+ Các khoản khác	7.655.072.377	7.947.040.456
- Phải thu khác (dư có)	3.659.179.054	4.072.869.522
+ BISON EXPRESS B.V/VROON SHIP MANAGENEMT	1.433.990.675	691.298.443
+ RAFFLES SHIPMANAGEMENT SERVICES PTE LTD	856.657.058	438.076.550
+ Các khoản khác	1.368.531.321	2.943.494.529
- Nhận ký quỹ, ký cược	312.105.500	356.428.500
b) Dài hạn	6.495.747.968	5.990.318.069
- Phải trả dài hạn khác	5.683.362.368	5.177.932.469
+ Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	4.230.000.000	4.230.000.000
+ Xí nghiệp Mol Vina Hồ Chí Minh	1.371.639.899	-
+ Dự án Nhà điều hành và kho bãi Cái lân Quảng Ninh	81.722.469	947.932.469
- Nhận ký quỹ, ký cược	812.385.600	812.385.600
Tổng	43.447.985.249	24.972.923.002

5.17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn	4.338.619.065	4.334.247.497
- Chi phí lãi vay	2.699.644.150	1.348.479.447
- Chi phí sửa chữa tàu	717.296.549	2.034.396.022
- Trích trước chi phí khác	921.678.366	951.372.028
b) Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09a - DN

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	77.355.398.362	77.355.398.362	18.526.832.502	2.633.209.135	61.461.774.995	61.461.774.995	
Nợ dài hạn đến hạn trả							
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (1)	20.793.898.412	20.793.898.412	221.596.568	750.585.000	21.322.886.844	21.322.886.844	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	34.008.968.630	34.008.968.630	9.998.845.260	25.866.751	24.035.990.121	24.035.990.121	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)	22.552.531.320	22.552.531.320	8.306.390.674	1.856.757.384	16.102.898.030	16.102.898.030	
b) Vay dài hạn	63.346.441.760	63.346.441.760	1.355.481.081	18.305.235.934	80.296.196.613	80.296.196.613	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	38.915.924.560	38.915.924.560	824.368.359	9.998.845.260	48.090.401.461	48.090.401.461	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)	24.430.517.200	24.430.517.200	531.112.722	8.306.390.674	32.205.795.152	32.205.795.152	
Cộng	140.701.840.122	140.701.840.122	19.882.313.583	20.938.445.069	141.757.971.608	141.757.971.608	

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 103/MSBHCN-VFR ngày 31/12/2007 và Phụ lục hợp đồng số 103.01/2013/PLHĐTD ngày 02/07/2013. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 2%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 8.000 DWT (Tàu Vietfracht Glory), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(3): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	33.013.831.925	3.410.429.248	28.445.870.628	214.870.131.801
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	42.555.634.280	42.555.634.280
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	-	33.013.831.925	3.410.429.248	71.001.504.908	257.425.766.081
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.192.105.855	3.192.105.855
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(19.900.591.000)	(19.900.591.000)
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(19.900.591.000)	(19.900.591.000)
Số dư cuối năm	150.000.000.000	-	33.013.831.925	3.410.429.248	54.293.019.763	240.717.280.936

(*) Công ty phân phối lợi nhuận 2017 theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018 cụ thể:

- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	401.700.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.498.891.000
- Lợi nhuận chia cổ tức 12% Vốn điều lệ	18.000.000.000
Tổng	19.900.591.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Bà Dương Thị Huệ	19,05%	28.576.000.000	28.576.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	16,69%	25.038.190.000	25.038.190.000
Bà Đỗ Thị Huyền Thanh	13,91%	20.865.160.000	20.865.160.000
Các cổ đông khác	50,35%	75.520.650.000	75.520.650.000
Cộng	100%	150.000.000.000	150.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	213	1.701

đ) Cổ tức**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Quỹ đầu tư phát triển	33.013.831.925	33.013.831.925
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.520.822.891	21.931.891

f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.20 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

		Kỳ này	Kỳ trước
6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
a) Doanh thu		104.794.673.189	102.971.075.998
- Doanh thu dịch vụ vận tải biển		61.591.732.397	56.343.463.259
- Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải		29.412.806.854	28.638.533.434
- Doanh thu cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi		6.999.621.222	9.514.996.026
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác		6.790.512.716	8.474.083.279
6.3 . GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
- Giá vốn dịch vụ vận tải biển		62.488.829.219	73.124.778.801
- Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải		27.642.276.182	27.082.949.613
- Giá vốn cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi		6.546.112.587	8.644.481.406
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác		4.281.790.579	4.450.161.803
Cộng		100.959.008.567	113.302.371.623
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		1.448.106.344	211.283.784
Lãi bán các khoản đầu tư		-	45.489.228.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia		7.009.652.226	12.199.288.346
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		64.645.403	343.867.092
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		103.680.728	159.027.049
Doanh thu tài chính khác		-	300.000
Cộng		8.626.084.701	58.402.994.371
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
Lãi tiền vay		2.761.267.242	3.744.629.854
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		63.392.778	171.035.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		1.609.797.245	-
Dự phòng tổn thất khoản đầu tư		-	(236.727.830)
Chi phí tài chính khác		751.436.078	-
Cộng		5.185.893.343	3.678.937.060
6.6 . THU NHẬP KHÁC			
- Thu nhập khác		242.818.347	150.896.847
Cộng		242.818.347	150.896.847
6.7 . CHI PHÍ KHÁC			
- Các khoản khác		119.433.723	82.826.154
Cộng		119.433.723	82.826.154

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	3.508.211.610	18.939.366.151
Chi phí nhân viên	2.181.817.367	2.468.687.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	427.474.661	382.054.571
Chi phí nguyên liệu vật liệu	51.619.363	55.240.343
Chi phí dự phòng tiền lương	(2.482.923.894)	268.288.300
Thuế, phí và lệ phí	439.591.664	485.644.825
Chi phí bằng tiền	2.329.433.831	1.491.390.151
Xóa nợ cho Ocen Eleven Shipping Corp	-	11.697.958.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	561.198.618	2.090.101.481

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.344.557.952	16.974.725.793
Chi phí nhân công	11.716.189.864	17.090.756.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.481.095.609	23.733.273.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.247.418.228	59.447.900.139
Chi phí bằng tiền khác	5.677.958.524	14.100.284.989
Cộng	104.467.220.177	131.346.940.744

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.891.028.994	25.521.466.228
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.940.683	51.589.773
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	44.940.683	51.589.773
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	10.504.267.921	99.010.373.973
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	7.009.652.226	12.199.288.346
+ <i>Chuyển lỗ</i>	-	86.811.085.627
+ <i>Điều chỉnh giảm do hoàn lại các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế</i>	3.494.615.695	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(6.568.298.244)	(73.437.317.972)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành		

6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Kỳ này	Kỳ trước
698.923.139	-

6.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	3.192.105.855	25.521.466.228
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	213	1.701

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

Mẫu số B 09a - DN

CHỈ TIÊU	Hoạt động vận tài biến	Hoạt động giao nhận vận tài	Hoạt động kinh doanh kho bãi	Hoạt động kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	61.591.732.397	29.412.806.854	6.999.621.222	6.790.512.716	104.794.673.189
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	62.488.829.219	27.642.276.182	6.546.112.587	4.281.790.579	100.959.008.567
Lợi nhuận gộp	(897.096.822)	1.770.530.672	453.508.635	2.508.722.137	3.835.664.622
Tổng giá trị còn lại của tài sản					454.783.513.786
Nợ phải trả					214.066.232.850
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)</i>					
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>					41.349.992.851
Kỳ trước					
CHỈ TIÊU	Hoạt động vận tài biến	Hoạt động giao nhận vận tài	Hoạt động kinh doanh kho bãi	Hoạt động kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	56.343.463.259	28.638.533.434	9.514.996.026	8.474.083.279	102.971.075.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	73.124.778.801	27.082.949.613	8.644.481.406	4.450.161.803	113.302.371.623
Lợi nhuận gộp	(16.781.315.542)	1.555.583.821	870.514.620	4.023.921.476	(10.331.295.625)
Tổng giá trị còn lại của tài sản					474.275.267.846
Nợ phải trả					233.883.669.817
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)</i>					
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					35.956.149.566

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Trong nước	Nước ngoài	TỔNG CỘNG
Doanh thu	43.202.940.792	61.591.732.397	104.794.673.189
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	38.470.179.348	62.488.829.219	100.959.008.567
Lợi nhuận gộp	4.732.761.444	(897.096.822)	3.835.664.622

Kỳ trước

CHỈ TIÊU	Trong nước	Nước ngoài	TỔNG CỘNG
Doanh thu	46.627.612.739	56.343.463.259	102.971.075.998
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	40.177.592.822	73.124.778.801	113.302.371.623
Lợi nhuận gộp	6.450.019.917	(16.781.315.542)	(10.331.295.625)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thành lập 03 Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu làm chủ sở hữu, chi tiết như sau :

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201865444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/04/2018. Vốn điều lệ 18 tỷ VND. Hoạt động từ T7/2018.

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314972461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/04/2018 và thay đổi lần thứ 3 tại 08/05/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ T7/2018.

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108209134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/04/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ T7/2018

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Ngày 30/06/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.337.219.433	-	27.337.219.433
Phải thu khách hàng	8.996.920.881	-	8.996.920.881
Phải thu về cho vay	34.500.000.000	-	34.500.000.000
Đầu tư	-	85.902.569.200	85.902.569.200
Phải thu khác	28.694.265.990	598.351.000	29.292.616.990
Trừ:	(1.365.994.972)	(1.094.597.270)	(2.460.592.242)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.094.597.270,00)	(1.094.597.270,00)
Tổng cộng	98.162.411.332	85.406.322.930	183.568.734.262
Các khoản vay và nợ	77.355.398.362	63.346.441.760	140.701.840.122
Phải trả người bán	12.377.659.529	-	12.377.659.529
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	41.290.856.346	6.495.747.968	47.786.604.314
Tổng cộng	131.023.914.237	69.842.189.728	200.866.103.965
Chênh lệch thanh khoản thuần	-32.861.502.905	15.564.133.202	-17.297.369.703
Ngày 01/01/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.178.300.710	-	10.178.300.710
Phải thu khách hàng	9.641.076.639	-	9.641.076.639
Phải thu về cho vay	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Đầu tư	-	85.902.569.200	85.902.569.200
Phải thu khác	24.058.358.440	825.001.000	24.883.359.440
Trừ:	(1.365.994.972)	(343.161.205,00)	(1.709.156.177)
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(343.161.205)	(343.161.205)
Tổng cộng	82.511.740.817	86.384.408.995	168.896.149.812
Các khoản vay và nợ	61.461.774.995	80.296.196.613	141.757.971.608
Phải trả người bán	11.481.285.495	-	11.481.285.495
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	23.316.852.430	5.990.318.069	29.307.170.499
Tổng cộng	96.259.912.920	86.286.514.682	182.546.427.602
Chênh lệch thanh khoản thuần	-13.748.172.103	97.894.313	-13.650.277.790

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Đơn vị tính: VND		
	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018
Tài sản tài chính			01/01/2018
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Các khoản phải thu về cho vay	34.500.000.000	40.000.000.000	34.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.923.542.899	33.158.441.107	36.923.542.899
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	84.807.971.930	85.559.407.995	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.337.219.433	10.178.300.710	27.337.219.433
Tổng cộng	183.568.734.262	168.896.149.812	(*)
Nợ phải trả tài chính			(*)
Vay và nợ	140.701.840.122	141.757.971.608	140.701.840.122
Phải trả người bán	12.377.659.529	11.481.285.495	12.377.659.529
Phải trả khác	43.447.985.249	24.972.923.002	43.447.985.249
Tổng cộng	196.527.484.900	178.212.180.105	196.527.484.900

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Chi phí bốc xếp	880.000

Đơn vị tính: VND

b) Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên HĐQT	93.348.000
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc	142.860.545
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc	91.504.402
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc	86.151.899
Tổng cộng		413.864.846

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét và kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Số đầu kỳ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp. Cụ thể như sau:

*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối Kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT Riêng 2017	Số điều chỉnh	Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phân loại lại
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	353.057.225.975	2.266.870.192	355.324.096.167
V. Tài sản dài hạn khác	260	8.981.681.307	2.266.870.192	11.248.551.499
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	2.266.870.192	2.266.870.192
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	450.744.664.122	2.266.870.192	453.011.534.314
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	197.033.539.710	(1.447.771.477)	195.585.768.233
I. Nợ ngắn hạn	310	110.747.025.028	(1.447.771.477)	109.299.253.551
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	314	5.782.018.974	(1.447.771.477)	4.334.247.497
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	253.711.124.412	3.714.641.669	257.425.766.081
1. Vốn góp của chủ sở hữu	410	253.711.124.412	3.714.641.669	257.425.766.081
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421	67.286.863.239	3.714.641.669	71.001.504.908
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	450.744.664.122	2.266.870.192	453.011.534.314

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Lương Thị Hà

Kế toán trưởng

Đào Nguyên Đặng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Trần Bình Phú

